

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7 – 50
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm tài chính bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch: Tầng 20 Tòa nhà Handico Tower, Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022
Ông Đặng Ngọc Tuấn Hiệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022
Ông Nguyễn Anh Văn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Dịu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022
Ông Phạm Tuấn Vũ	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà

Số : 16.3/2023/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, được lập ngày 11 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa,
quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.06 và V.19 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả đến việc ghi nhận nợ phải trả cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam – Công ty TNHH MTV theo kết luận tại bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và ghi nhận nợ phải thu các nhà thầu phụ về trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty Thăng Long - CTCP do thi công không đảm bảo chất lượng công trình liên quan đến kết luận tại bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu trên. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2023

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài
chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Kiểm toán viên

Phạm Đức Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5308-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.790.636.694.679	1.628.691.611.712
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	162.595.088.716	74.963.667.738
1.	Tiền	111		161.595.088.716	66.620.392.738
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	8.343.275.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	40.844.053.361	33.070.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.844.053.361	33.070.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.088.479.549.762	1.106.899.153.953
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	442.601.466.659	402.175.406.960
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	587.757.711.260	718.767.463.093
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	221.612.825.400	146.772.360.574
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(163.492.453.557)	(160.816.076.674)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.08	411.244.913.234	339.855.632.877
1.	Hàng tồn kho	141		411.244.913.234	339.855.632.877
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		87.473.089.606	73.903.157.144
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	169.987.993	1.978.751.954
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		65.743.187.173	58.831.601.641
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	21.559.914.440	13.092.803.549
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		485.965.500.018	558.970.461.038
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		12.577.300.000	12.148.300.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	12.344.800.000	11.915.800.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.06	232.500.000	232.500.000
II.	Tài sản cố định	220		393.943.095.572	428.360.855.386
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	385.452.641.029	419.341.991.751
	- Nguyên giá	222		860.846.691.691	850.928.300.014
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(475.394.050.662)	(431.586.308.263)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	3.186.079.543	3.714.488.635
	- Nguyên giá	225		4.227.272.727	4.227.272.727
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.041.193.184)	(512.784.092)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5.304.375.000	5.304.375.000
	- Nguyên giá	228		5.529.845.000	5.529.845.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(225.470.000)	(225.470.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	53.255.377.564	91.465.199.422
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		29.434.309.225	65.755.615.259
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.821.068.339	3.821.068.339
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.000.000.000	21.888.515.824
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		26.189.726.882	26.996.106.230
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	26.189.726.882	26.996.106.230
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.276.602.194.697	2.187.662.072.750

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.670.781.877.408	1.590.293.680.375
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.566.775.969.843	1.355.323.701.515
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	428.944.050.176	347.582.370.751
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	312.428.176.768	532.336.450.951
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	9.412.195.573	9.470.721.660
4.	Phải trả người lao động	314		11.325.266.065	13.462.287.319
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	58.999.470.329	92.920.758.305
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	2.129.191.196	2.113.870.644
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	136.239.567.907	91.710.625.187
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	605.534.567.350	263.392.268.663
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.763.484.479	2.334.348.035
II.	Nợ dài hạn	330		104.005.907.565	234.969.978.860
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	9.676.004.339	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	26.732.301.247	13.241.421.307
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	67.597.601.979	221.726.027.790
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	2.529.763
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		605.820.317.289	597.368.392.375
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	605.820.317.289	597.368.392.375
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		52.625.676.545	52.625.676.545
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(543.000.000)	(543.000.000)
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(69.045.917)	5.835.678
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		24.954.816.575	21.564.090.720
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.734.967.955	29.208.618.165
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		25.814.618.619	19.726.210.918
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.920.349.336	9.482.407.247
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		79.036.902.131	75.427.171.267
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.276.602.194.697	2.187.662.072.750

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Dịu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.496.329.026.974	1.264.546.647.247
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	2.048.096.432
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.496.329.026.974	1.262.498.550.815
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.422.243.460.062	1.193.629.705.014
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.085.566.912	68.868.845.801
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	44.707.956.755	11.688.934.077
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	44.332.438.881	31.661.209.442
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		44.331.683.222	31.661.209.442
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.306.492.589	3.689.576.201
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	67.752.614.188	55.209.005.378
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.014.963.187	(2.622.858.741)
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	3.948.691.147	19.257.349.223
13.	Chi phí khác	32	VI.07	2.911.656.085	4.923.536.575
14.	Lợi nhuận khác	40		1.037.035.062	14.333.812.648
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.051.998.249	11.710.953.907
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.347.685.059	2.483.819.436
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(2.529.764)	113.037.206
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.706.842.954	9.114.097.265
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.920.349.336	9.482.407.247
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.786.493.618	(368.309.982)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	118	227
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	118	227

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Việt Hà

Nguyễn Thị Giang Thanh

Nguyễn Thị Diệu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		11.051.998.249	11.710.953.907
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		51.493.288.006	40.782.926.888
-	Các khoản dự phòng	03		2.676.376.883	(293.515.607)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.075.909.756)	(12.620.581.779)
-	Chi phí lãi vay	06		44.331.683.222	31.661.209.442
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		99.477.436.604	71.240.992.851
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.159.272.899	(406.341.848.211)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(71.389.280.357)	(147.531.715.653)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(143.870.660.376)	271.993.248.118
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.615.143.309	(21.615.668.031)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(42.746.301.884)	(32.551.705.305)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.647.677.380)	(3.006.135.384)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(575.900.000)	(490.991.988)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(157.977.967.185)	(268.303.823.603)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(18.234.109.464)	(6.220.901.252)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		849.498.391	1.741.865.403
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.500.000.000)	(32.016.306.719)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.936.118.461	32.325.680.862
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		68.090.195.362	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.914.136.147	13.685.270.028
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		60.055.838.897	9.515.608.322

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		938.707.734.104	523.206.186.967
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(752.140.110.727)	(428.021.293.520)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(890.959.584)	(890.959.584)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(199.985.900)	(16.614.086.820)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		185.476.677.893	77.679.847.043
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		87.554.549.605	(181.108.368.238)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		74.963.667.738	256.116.251.055
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		76.871.373	(44.215.079)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		162.595.088.716	74.963.667.738

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Giang Thanh

Nguyễn Thị Dịu

Nguyễn Việt Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm tài chính bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là xây dựng. Do đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty phụ thuộc vào thời gian thực hiện hợp đồng với chủ đầu tư.

05. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ ngày 05 tháng 7 năm 2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG nắm giữ 50,10% vốn điều lệ của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và trở thành Công ty mẹ của Tổng Công ty.

Trong năm, Tổng Công ty nhận chuyển nhượng từ đối tác Nhật Bản 54,45% phần vốn của Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long (Mitsui) (trước đó Tổng Công ty sở hữu 45,55% phần vốn của Mitsui) để sở hữu 100% phần vốn của Mitsui. Sau đó, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 100% phần vốn của Mitsui cho đối tượng khác và đã thu tiền chuyển nhượng trong năm. Lợi nhuận tạo ra từ việc chuyển nhượng 100% phần vốn của Mitsui là 40.292.533.002 đồng đã được ghi nhận trên vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022.

Theo bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội liên quan đến trách nhiệm của các nhà thầu thi công các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng theo quy định của gói thầu số 4 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi giai đoạn từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2017, tại mục trách nhiệm bồi thường, Tổng Công ty với tư cách là nhà thầu phải bồi thường cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam – Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Căn cứ bản án nêu trên, Tổng Công ty đã ghi nhận nợ phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam – Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Đồng thời, căn cứ theo các hợp đồng ký kết giữa Tổng Công ty với các nhà thầu phụ để thực hiện gói thầu số 4, Tổng Công ty đang xác định các nhà thầu phụ có trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình theo quy định. Hiện nay, Tổng Công ty đang trong quá trình thu thập thông tin từ phía cơ quan chức năng để có cơ sở xác định trách nhiệm của từng nhà thầu phụ. Do vậy, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị tổn thất và thiệt hại đối với nghĩa vụ bồi thường nêu trên và tạm thời ghi nhận trên khoản mục phải thu khác với các nhà thầu phụ thi công số tiền 33.266.862.248 đồng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài các hoạt động và sự kiện nêu trên, không còn hoạt động nào của Tổng Công ty ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

06. Cấu trúc doanh nghiệp

06.1 Tổng Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Đơn vị phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP - Xí nghiệp Thăng Long 5	Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Số 127B, Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại Campuchia	Meun, Spean Thma, Kandal Stueng, Kandal, 8370, Cambodia

06.2 Thông tin về Công ty con được hợp nhất

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022</u>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	82,65%
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	(*)

(*) Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 5 năm 2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,41% vốn đầu tư của dự án. Hiện tại dự án đã hết thời gian thu phí, nhà đầu tư đã thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận của dự án nhưng chưa thực hiện quyết toán và bàn giao tài sản của Dự án cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27 tháng 2 năm 2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 70% vốn đầu tư của dự án.

06.3 Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

<u>Tên Công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022</u>
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Khu phố ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	(**)

(**) Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao về dự án Đường 188 đoạn An Thái – Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội. Vốn góp của Tổng công ty vào dự án là 17.884.300.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 22,03% vốn đầu tư của dự án.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), việc xác định giá trị tài sản cố định hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Tổng Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và các Công ty liên kết, liên doanh.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán được ghi nhận vào chi phí SXKD của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTC

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện theo từng công trình, hạng mục. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán, cung cấp và hoàn thành trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCF

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
 - Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính đã lập bằng ngoại tệ sang VND

Tổng Công ty có một Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Campuchia, Báo cáo tài chính của Chi nhánh được lập bằng đồng ngoại tệ (USD). Tổng Công ty thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Campuchia sang đồng Việt Nam theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm;
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân trong năm tài chính.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

20. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ Tổng Công ty phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong Tổng Công ty.

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ Tổng Công ty.

Trường hợp tài sản cố định được bán có lãi thì chi phí khấu hao đang được ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng của bên mua tài sản cố định sẽ cao hơn chi phí khấu hao xét trên phương diện của cả tập đoàn, do đó trong Báo cáo tài chính hợp nhất kế toán phải điều chỉnh giảm chi phí khấu hao và hao mòn lũy kế do ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

Khi loại trừ lãi chưa thực hiện trong giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ Tổng Công ty thì giá trị ghi sổ của tài sản cố định trong Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó nên kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với số lãi chưa thực hiện bị loại trừ khỏi giá trị TSCĐ. Trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng phải được ghi giảm số tiền tương ứng với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của tập đoàn. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ giao dịch bán tài sản cố định giữa các đơn vị trong nội bộ Tổng Công ty sẽ được hoàn nhập dần hàng năm khi kế toán điều chỉnh giảm chi phí khấu hao của Tổng Công ty.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các Công ty con trong Tổng Công ty phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Nếu Công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.361.853.377	2.643.219.814
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	160.233.235.339	63.977.172.924
- Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	8.343.275.000
Cộng	<u>162.595.088.716</u>	<u>74.963.667.738</u>

(*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng với lãi suất là 5,3%/năm. Khoản tiền gửi này được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Tổng Công ty tại các ngân hàng (Chi tiết tại thuyết minh số V.13).

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
a1. Ngắn hạn	40.844.053.361	40.844.053.361	33.070.000.000	33.070.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn(*)	40.844.053.361	40.844.053.361	33.070.000.000	33.070.000.000
a2. Dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	21.888.515.824	21.888.515.824
+ Tiền gửi có kỳ hạn(**)	20.000.000.000	20.000.000.000	21.888.515.824	21.888.515.824
Cộng	<u>60.844.053.361</u>	<u>60.844.053.361</u>	<u>54.958.515.824</u>	<u>54.958.515.824</u>

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 7%/năm.

(**): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 4,8%/năm.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng trị giá 17 tỷ đồng được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Tổng Công ty tại các ngân hàng (Chi tiết tại thuyết minh số V.13).

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn****b.1. Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			30.180.986.994	29.434.309.225			57.978.649.354	65.755.615.259
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long (*)			-	-	45,55	45,55	27.797.662.360	33.090.951.650
- Công ty TNHH BOT đường 188	22,03	22,03	17.844.300.000	17.844.300.000	22,03	22,03	17.844.300.000	21.415.922.305
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	49,00	49,00	12.336.686.994	11.590.009.225	49,00	49,00	12.336.686.994	11.248.741.304
Cộng			30.180.986.994	29.434.309.225			57.978.649.354	65.755.615.259

b.2. Các khoản đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			3.821.068.339		-			3.821.068.339		-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	16,16	16,16	1.807.850.307	(**)	-	16,16	16,16	1.807.850.307	(**)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	16,89	16,89	300.000.000	(**)	-	16,89	16,89	300.000.000	(**)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	15,00	15,00	1.713.218.032	(**)	-	15,00	15,00	1.713.218.032	(**)	-
Cộng			3.821.068.339		-			3.821.068.339		-

(*): Trong năm, Tổng Công ty nhận chuyển nhượng từ đối tác Nhật Bản 54,45% phần vốn của Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long (Mitsui) để sở hữu 100% phần vốn của Mitsui. Sau đó, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 100% phần vốn của Mitsui cho đối tượng khác và đã thu tiền chuyển nhượng trong năm. Lợi nhuận tạo ra từ việc chuyển nhượng 100% phần vốn của Mitsui là 40.292.533.002 đồng.

(**): Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết/giá tham chiếu trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm:***Đơn vị tính: VND*

Tên Công ty liên kết, liên doanh và nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm	10.306.630.512	5.500.438.657
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long	3.769.783.539	1.992.767.264
- Công ty TNHH BOT đường 188	6.536.846.973	3.507.671.393
Doanh thu trong năm	789.688.172	1.031.810.672
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long	174.937.500	417.060.000
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	614.750.672	614.750.672

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	442.601.466.659	402.175.406.960
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực xây dựng	392.760.730.221	361.942.019.340
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực khác	49.840.736.438	40.233.387.620
Cộng	442.601.466.659	402.175.406.960

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	576.225.740	200.000.000
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	576.225.740	200.000.000
Cộng	576.225.740	200.000.000

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	587.757.711.260	718.767.463.093
- Trả trước cho người bán lĩnh vực xây dựng	553.077.644.251	682.527.760.491
- Trả trước cho người bán lĩnh vực khác	34.680.067.009	36.239.702.602
Cộng	587.757.711.260	718.767.463.093

b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	74.500.000.000	61.103.977.329
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	74.500.000.000	61.103.977.329
Cộng	74.500.000.000	61.103.977.329

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn	12.344.800.000	-	11.915.800.000	-
- Công ty TNHH Ilsung & Cienco I (*)	12.344.800.000	-	11.915.800.000	-
Cộng	12.344.800.000	-	11.915.800.000	-

(*): Là khoản cho Công ty TNHH Ilsung & Cienco 1 vay để bổ sung vốn thực hiện thi công dự án: “Nâng cấp đường Quốc lộ 5 (Đoạn Thlea Ma’am – Battambang và Sri Sophorn – Poipet)”. Số dư gốc cho vay tại 31/12/2022 là 520.000,00 USD.

06. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	221.612.825.400	(1.487.804.059)	146.772.360.574	(1.487.804.059)
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.082.626.919	-	10.082.626.919	-
- Tạm ứng	112.983.129.809	-	80.855.224.223	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.353.616.940	-	63.714.100	-
- Phải thu khác	93.193.451.732	(1.487.804.059)	55.770.795.332	(1.487.804.059)
+ Ban điều hành dự án	12.044.026.385	-	10.819.108.721	-
+ Lãi dự thu	1.366.780.874	-	357.013.027	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4(**)	34.649.334.444	-	34.649.334.444	-
+ Phải thu các nhà thầu phụ về trách nhiệm bồi thường theo bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội(***)	33.266.862.248	-	-	-
+ Phải thu các đối tượng khác	11.866.447.781	(1.487.804.059)	9.945.339.140	(1.487.804.059)
b. Dài hạn	232.500.000	-	232.500.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	232.500.000	-	232.500.000	-
Cộng	221.845.325.400	(1.487.804.059)	147.004.860.574	(1.487.804.059)

(**): Khoản tiền hoàn vốn và lợi nhuận Công ty TNHH BOT Yên Lệnh đã chi cho Nhà đầu tư thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh theo phương thức BOT (Dự án BOT Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1). Công ty đã hoàn tất thời gian thu phí cho giai đoạn 1 nhưng chưa thực hiện quyết toán hợp đồng BOT giai đoạn 1 của Dự án và hiện vẫn đang được Bộ Giao thông vận tải giao cho Công ty quản lý và bảo trì.

(***): Theo bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội liên quan đến trách nhiệm của các nhà thầu thi công các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng theo quy định của gói thầu số 4 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi giai đoạn từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2017, tại mục trách nhiệm bồi thường, Tổng Công ty với tư cách là nhà thầu phải bồi thường cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam –

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Căn cứ bản án nêu trên, Tổng Công ty đã ghi nhận nợ phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam – Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng (chi tiết tại thuyết minh số V.19). Đồng thời, căn cứ theo các hợp đồng ký kết giữa Tổng Công ty với các nhà thầu phụ để thực hiện gói thầu số 4, Tổng Công ty đang tạm thời xác định các nhà thầu phụ có trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình theo quy định. Hiện nay, Tổng Công ty đang trong quá trình thu thập thông tin từ phía cơ quan chức năng để có cơ sở xác định trách nhiệm của từng nhà thầu phụ. Do vậy, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị tổn thất và thiệt hại đối với nghĩa vụ bồi thường nêu trên và tạm thời ghi nhận trên khoản mục phải thu khác với các nhà thầu phụ thi công số tiền 33.266.862.248 đồng.

Đơn vị tính: VND

07. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công nợ trả trước cho người bán	148.372.933.389	809.206.779	147.050.058.098	2.162.708.371
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	11.854.196.384	118.150.973	11.854.196.384	1.442.698.919
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	35.587.816.315	-	35.587.816.315	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	61.170.471.443	-	59.847.596.152	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	17.649.396.088	-	17.649.396.088	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số mười bảy Thăng Long	14.855.926.944	691.055.806	14.855.926.944	720.009.452
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	7.067.562.295	-	7.067.562.295	-
- Công ty Cổ phần Bê Tông và Xây dựng Thăng Long	187.563.920	-	187.563.920	-
	15.186.951.111	746.028.223	15.186.951.111	746.028.223
Công nợ phải thu của khách hàng				
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	1.840.430.981	746.028.223	1.840.430.981	746.028.223
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	7.197.552.325	-	7.197.552.325	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	2.635.052.753	-	2.635.052.753	-
- Công ty Cổ phần công trình 798	659.499.850	-	659.499.850	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật & Xây dựng Namkwang Hàn Quốc	1.361.250.287	-	1.361.250.287	-
- Các đối tượng khác	1.493.164.915	-	1.493.164.915	-
	1.487.804.059	-	1.487.804.059	-
Công nợ phải thu khác				
- Công ty Cổ phần Xây dựng số mười bảy Thăng Long	1.241.961.126	-	1.241.961.126	-
- Các đối tượng khác	245.842.933	-	245.842.933	-
Cộng	165.047.688.559	1.555.235.002	163.724.813.268	2.908.736.594

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP
 Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
08. Hàng tồn kho				
- Nguyên liệu, vật liệu	3.331.784.790	-	600.362.556	-
- Công cụ, dụng cụ	2.197.466.498	-	165.119.377	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	405.715.661.946	-	339.090.150.944	-
Cộng	411.244.913.234	-	339.855.632.877	-



TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	719.698.824.510	102.395.647.506	26.102.233.333	2.731.594.665	850.928.300.014
- Mua trong năm	70.000.000	15.582.669.464	2.546.880.000	34.560.000	18.234.109.464
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác(*)	-	52.517.850	32.455.500	-	84.973.350
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.480.584.762)	-	(7.480.584.762)
- Giảm khác	(714.565.455)	(205.540.920)	-	-	(920.106.375)
Số dư cuối năm	719.054.259.055	117.825.293.900	21.200.984.071	2.766.154.665	860.846.691.691
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	329.048.720.490	78.922.239.293	21.087.283.052	2.528.065.428	431.586.308.263
- Khấu hao trong năm	44.665.954.393	5.007.799.222	1.156.449.556	134.675.743	50.964.878.914
- Tăng khác(*)	-	18.868.015	15.531.401	-	34.399.416
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.085.366.853)	-	(7.085.366.853)
- Giảm khác	-	(106.169.078)	-	-	(106.169.078)
Số dư cuối năm	373.714.674.883	83.842.737.452	15.173.897.156	2.662.741.171	475.394.050.662
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	390.650.104.020	23.473.408.213	5.014.950.281	203.529.237	419.341.991.751
2. Tại ngày cuối năm	345.339.584.172	33.982.556.448	6.027.086.915	103.413.494	385.452.641.029

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là: 270.790.052.130 đồng.

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 595.747.536.746 VND và 355.906.597.288 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ, Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế và Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nghệ An.

(*): Tăng do ghi nhận chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP tại Campuchia từ ngoại tệ sang VND.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.227.272.727	4.227.272.727
- Thuê tài chính trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	4.227.272.727	4.227.272.727
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	512.784.092	512.784.092
- Khấu hao trong năm	528.409.092	528.409.092
Số dư cuối năm	1.041.193.184	1.041.193.184
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	3.714.488.635	3.714.488.635
2. Tại ngày cuối năm	3.186.079.543	3.186.079.543

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.304.375.000	225.470.000	5.529.845.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	5.304.375.000	225.470.000	5.529.845.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	225.470.000	225.470.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	225.470.000	225.470.000
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	5.304.375.000	-	5.304.375.000
2. Tại ngày cuối năm	5.304.375.000	-	5.304.375.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là: 225.470.000 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài thửa đất số 260, tờ bản đồ số 10-E tại Bùi Trám, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với diện tích 6.900 m² (trong đó đất ở là 400 m² và đất vườn cây lâu năm là 6.500 m²). Tổng Công ty nhận chuyển nhượng từ Ông Nguyễn Văn Viêm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ngày 12 tháng 03 năm 2020. Quyền sử dụng đất đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Huế.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	169.987.993	1.978.751.954
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	-	136.601.099
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	18.399.223	1.773.097.785
- Chi phí trả trước khác	151.588.770	69.053.070
	26.189.726.882	26.996.106.230
b. Dài hạn		
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	20.759.831.579	25.844.894.411
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	4.740.857.855	-
- Chi phí trả trước khác	689.037.448	1.151.211.819
	26.359.714.875	28.974.858.184
Cộng		

52
CI
ON
CH
CI
À
N
VH

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng ^(a)	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a. Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng	263.392.268.663	263.392.268.663	1.035.453.478.884	693.311.180.197	605.534.567.350	605.534.567.350		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội ^(a)	234.857.383.463	234.857.383.463	877.920.767.299	685.306.067.278	427.472.083.484	427.472.083.484		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội ^(a)	79.533.589.360	79.533.589.360	412.951.921.923	353.985.769.018	138.499.742.265	138.499.742.265		
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm ^(b)	27.482.183.615	27.482.183.615	198.731.899.528	85.780.640.303	140.433.442.840	140.433.442.840		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành ^(c)	-	-	18.547.342.695	6.530.194.490	12.017.148.205	12.017.148.205		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Campuchia ^(d)	3.740.646.204	3.740.646.204	58.838.186.564	57.273.382.908	5.305.449.860	5.305.449.860		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ ^(e)	66.388.399.099	66.388.399.099	90.389.159.308	79.239.809.714	77.537.748.693	77.537.748.693		
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Huế ^(f)	57.712.565.185	57.712.565.185	98.462.257.281	102.496.270.845	53.678.551.621	53.678.551.621		
Vay dài hạn đến hạn trả	19.368.885.200	19.368.885.200	107.805.168.697	2.085.092.919	125.088.960.978	125.088.960.978		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành ^(g)	-	-	1.920.683.336	-	1.920.683.336	1.920.683.336		
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi TRUST - Chi nhánh Hà Nội ^(h)	-	-	890.959.584	890.959.584	890.959.584	890.959.584		
- Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	-	-	102.988.463.999	-	102.988.463.999	102.988.463.999		
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Huế ^(j)	292.800.000	292.800.000	292.800.000	292.800.000	292.800.000	292.800.000		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ ^(k)	893.000.000	893.000.000	1.090.000.000	893.000.000	1.090.000.000	1.090.000.000		

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Lăng Thưng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng ^(*)	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	8.333.335	8.333.335	-	8.333.335	-	-	
- Vay cán bộ công nhân viên ⁽¹⁾	17.283.792.281	17.283.792.281	622.261.778	-	17.906.054.059	17.906.054.059	
Vay đối tượng khác	9.166.000.000	9.166.000.000	49.727.542.888	5.920.020.000	52.973.522.888	52.973.522.888	
- Vay cán bộ công nhân viên ^(m)	9.166.000.000	9.166.000.000	32.610.599.308	3.902.120.000	37.874.479.308	37.874.479.308	
- Công ty TNHH Hsung & Cienco ¹⁽⁰⁾	-	-	17.116.943.580	2.017.900.000	15.099.043.580	15.099.043.580	
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	221.726.027.790	221.726.027.790	12.774.371.222	166.902.797.033	67.597.601.979	67.597.601.979	
Vay ngân hàng	206.978.303.593	206.978.303.593	11.524.100.000	166.011.837.449	52.490.566.144	52.490.566.144	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành ⁽²⁾	-	-	11.524.100.000	2.621.763.261	8.902.336.739	8.902.336.739	
- Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nghệ An ⁽¹⁾	205.009.903.593	205.009.903.593	-	162.007.274.188	43.002.629.405	43.002.629.405	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Huế ⁽¹⁾	878.400.000	878.400.000	-	292.800.000	585.600.000	585.600.000	
- Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ ^(k)	1.090.000.000	1.090.000.000	-	1.090.000.000	-	-	
Vay đối tượng khác	13.040.051.665	13.040.051.665	1.250.271.222	-	14.290.322.887	14.290.322.887	
- Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 ⁽⁰⁾	13.040.051.665	13.040.051.665	1.250.271.222	-	14.290.322.887	14.290.322.887	
Nợ thuê tài chính	1.707.672.532	1.707.672.532	-	890.959.584	816.712.948	816.712.948	
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội ^(h)	1.707.672.532	1.707.672.532	-	890.959.584	816.712.948	816.712.948	
Cộng	485.118.296.453	485.118.296.453	1.048.227.850.106	860.213.977.230	673.132.169.329	673.132.169.329	

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*): Tăng trong năm gồm:

- Tăng do phát sinh vay: 938.707.734,104 đồng;
 - Tăng do chuyển vay (nợ) dài hạn thành vay (nợ) dài hạn đến hạn trả: 107.182.906.919 đồng;
 - Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá số dư vay có gốc ngoại tệ cuối năm: 1.068.937.861 đồng;
 - Tăng do lãi vay nhập gốc: 1.250.271.222 đồng.
- a. Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng số 01/2022/161762/HDTDHM ngày 09 tháng 9 năm 2022. Hạn mức tín dụng là 1.000.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức cho vay là 200.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 800.000.000.000 đồng). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức tối đa đến 15/8/2023, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là các khoản lợi thu được từ khai thác giá trị quyền sử dụng đất tại số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và hợp đồng tiền gửi giá trị 18.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội.
- b. Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng số 44/2022/HDTD/NHN ngày 12 tháng 4 năm 2022. Hạn mức vay vốn 1 là 100.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức tín chấp tối đa là 25.000.000.000 đồng), hạn mức vay vốn 2 là 200.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức tín chấp tối đa là 50.000.000.000 đồng). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 09 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt khác đã hình thành và hình thành trong tương lai từ các hợp đồng thi công của Tổng Công ty với các chủ đầu tư theo hợp đồng Thế chấp tài sản số 350/2020/HDBD/NHN/04 ngày 10/11/2021 ký giữa ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm và Tổng Công ty Thăng Long – CTCP.
- c. Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành theo hợp đồng số 22/2321351-CVHM/003 ngày 23 tháng 02 năm 2022. Hạn mức vay vốn là 40.000.000.000 đồng. Mục đích vay là cho vay ngắn hạn tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 09 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ.
- d. Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 56/2022/CL/TL-BIDC/134013 ngày 30 tháng 09 năm 2022 nhằm bổ sung vốn lưu động để thực hiện gói thầu số 01: Nâng cấp đường quốc lộ số 05 và xây mới đường tránh Pursat khu Thlea Ma ‘am – Pursat, Km171+200 – Km191+000, L=19,8 Km theo hợp đồng xây dựng số 01/2019/HDXD ngày 21/8/2019 giữa Công ty TNHH liên danh Ilung & Cienco I và Tổng Công ty Thăng Long – CTCP. Hạn mức cho vay 450.000 USD, thời hạn cấp tín dụng hạn đến ngày 22/09/2023, lãi suất 9%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là toàn bộ khoản phải thu Công ty TNHH liên danh Ilung & Cienco I từ hợp đồng nêu trên. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2022 là: 223.481 USD.
- e. Là khoản vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/134637/HDTD ngày 25 tháng 10 năm 2022 nhằm bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay tối đa là 130.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở LC tối đa là 80.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15 tháng 10 năm 2022. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là nhà cửa, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải; quyền đòi nợ giá trị khối

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- lượng xây lắp hình thành trong tương lai được quy định cụ thể trong các Hợp đồng thế chấp được ký kết với Ngân hàng, lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- f. Là khoản vay của ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUE/21072 ngày 06 tháng 01 năm 2022 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành các loại bảo lãnh phục vụ thi công xây dựng. Hạn mức cho vay và tương đương cho vay là 100 tỷ đồng, hạn mức cấp bảo lãnh là 100 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng tính từ ngày hợp đồng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ số dư theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 262989/2016/HĐTGV/VPB-HUE ngày 07/12/2016 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long; Bất động sản tại thửa 260, TBD 10, xóm Bùi Trám, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và các quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng thi công.
- g. Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành theo hợp đồng số 22/2321351-CTD/003 ngày 23 tháng 02 năm 2022. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư tài sản cố định theo Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 009/2022/HĐMSHH/TLG-TQEq ngày 15/02/2022 ký giữa Tổng Công ty Thăng Long - CTCP với Công ty Cổ phần Thiết bị Tín Quang và Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 010/2022/HĐMSHH/TLG-BM ngày 15/02/2022 ký giữa Tổng Công ty Thăng Long - CTCP với Công ty Cổ phần Thiết bị Đầu tư Bình Minh. Thời hạn mỗi khoản vay là 72 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm từ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là 10 xe lu theo Hợp đồng thế chấp số 22/2321351- HDTD ngày 23/02/2022.
- h. Khoản nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21720000347/HĐCTTC ngày 18/12/2020 để thuê tài sản là Cần trục bánh lốp SANY. Thời hạn 48 tháng, lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội giải ngân khoản tiền đặt cho bên cung cấp.
- i. Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng cấp tín dụng số NGA.DN.808.060415 ngày 05/6/2015 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung với hạn mức cho vay là 650.000.000.000 đồng. Số tiền vay khả dụng là 500.000.000.000 đồng, số tiền vay dự phòng là 150.000.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích Đầu tư Dự án Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao thông Vực Vòng theo hình thức Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao. Thời hạn giải ngân là 30 tháng kể từ ngày nhận đủ tiền vay lần đầu. Thời hạn cho vay từ ngày Công ty được cấp tín dụng đến ngày 25/12/2024. Lãi suất cho vay trong năm 2022 là 11,15%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT bao gồm: quyền tiếp nhận dự án, quyền thu phí và các quyền tài sản khác; toàn bộ tài sản khác thuộc Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT, toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 và Tổng công ty Thăng Long – CTCP trong Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh.
- j. Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế theo hợp đồng cho vay số HUE/20093 ngày 30 tháng 12 năm 2020 để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 60 tháng. Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 8,3%/năm sau đó điều chỉnh theo quy định của hợp đồng. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là 2 xe ô tô 5 chỗ hiệu Hyundai có biển số xe lần lượt là 30G - 749.95 và 30G - 748.82.
- k. Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/134637/HĐTĐ ngày 30 tháng 11 năm 2019 để đầu tư mua sắm tài sản cố định với thời hạn 60 tháng, lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.
- l. Là khoản vay cá nhân theo hợp đồng số 002/2021 ngày 19/5/2021, số tiền vay là 400.000 USD, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày nhận tiền, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2022 là: 400.000 USD.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- m. Là khoản vay cá nhân theo hợp đồng ngày 30/9/2021, số tiền vay là 3.000.000 USD, thời hạn vay từ 01/10/2021 đến hết 31/12/2022, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2022 là: 754.256,7 USD.
- n. Là khoản vay Công ty TNHH Ilsung & Cienco 1 theo Biên bản thỏa thuận ngày 15/05/2022 về điều kiện và cam kết hỗ trợ giải ngân vốn thi công gói thầu số 01: Nâng cấp đường quốc lộ số 05 và xây mới đường tránh Pursat khu Thlea Ma 'am – Pursat, Km171+200 – Km191+000, L=19,8 Km. Hạn mức cho vay là 416.000 USD. Lãi suất cho vay bằng lãi suất mà Công ty TNHH Ilsung & Cienco 1 phải nhận nợ với Ngân Hàng Kookmin Bank Việt Nam. Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản Tổng Công ty Thăng Long – CTCP phải thu Công ty TNHH Ilsung & Cienco 1. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2022 là: 636.017 USD.
- o. Khoản vay Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 theo Hợp đồng vay số 01/2017/HĐVV/CIENCO4-BOT ngày 26/12/2017 với hạn mức cho vay là 30.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn thanh toán trong quá trình đầu tư khai thác Dự án đầu tư Xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng. Thời hạn cho vay là 08 năm kể từ ngày bên vay rút vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nghệ An và được nhập gốc 01 lần vào cuối năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

Đơn vị tính: VND

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	1.095.857.620	204.898.036	890.959.584	1.177.245.658	286.286.074	890.959.584
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội	1.095.857.620	204.898.036	890.959.584	1.177.245.658	286.286.074	890.959.584
Cộng	1.095.857.620	204.898.036	890.959.584	1.177.245.658	286.286.074	890.959.584

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	428.944.050.176	428.944.050.176	347.582.370.751	347.582.370.751
- Phải trả người bán lĩnh vực xây dựng	426.932.717.773	426.932.717.773	329.571.166.044	329.571.166.044
- Phải trả người bán lĩnh vực khác	2.011.332.403	2.011.332.403	18.011.204.707	18.011.204.707
b. Phải trả người bán dài hạn	9.676.004.339	9.676.004.339	-	-
- Phải trả người bán lĩnh vực xây dựng	9.676.004.339	9.676.004.339	-	-
Cộng	438.620.054.515	438.620.054.515	347.582.370.751	347.582.370.751

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>312.428.176.768</i>	<i>532.336.450.951</i>
- Người mua trả tiền trước lĩnh vực xây dựng	312.428.176.768	532.336.450.951
Cộng	<u>312.428.176.768</u>	<u>532.336.450.951</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số phải thu đầu năm</u>	<u>Số phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số phải thu cuối năm</u>	<u>Số phải nộp cuối năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	11.425.959.684	3.360.706.672	6.815.534.036	16.064.774.192	20.687.804.957	3.373.311.789
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.087.135.316	4.929.903.788	2.347.685.059	2.647.677.380	872.109.483	4.414.885.634
- Thuế thu nhập cá nhân	-	221.316.408	1.366.416.315	1.352.961.712	-	234.771.011
- Thuế tài nguyên	-	-	468.940.837	-	-	468.940.837
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	60.972.047	3.395.582.330	3.440.509.890	-	16.044.487
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	579.708.549	196.050.656	2.124.339.333	1.538.211.714	-	202.469.726
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	701.772.089	423.093.008	423.093.008	-	701.772.089
Cộng	<u>13.092.803.549</u>	<u>9.470.721.660</u>	<u>16.941.590.918</u>	<u>25.467.227.896</u>	<u>21.559.914.440</u>	<u>9.412.195.573</u>

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	58.999.470.329	92.920.758.305
- Chi phí lãi vay	643.356.360	385.342.134
- Trích trước chi phí thi công công trình	58.228.810.658	92.006.388.110
- Các khoản khác	127.303.311	529.028.061
Cộng	58.999.470.329	92.920.758.305

18. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.129.191.196	2.113.870.644
- Doanh thu nhận trước	2.129.191.196	2.113.870.644
Cộng	2.129.191.196	2.113.870.644

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	136.239.567.907	91.710.625.187
- Kinh phí công đoàn	671.355.641	533.920.079
- Bảo hiểm xã hội	2.074.847.880	665.246.654
- Bảo hiểm y tế	293.912.904	90.442.638
- Bảo hiểm thất nghiệp	269.848.911	203.775.774
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	40.000.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	613.161.680	638.147.580
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	132.286.440.891	89.539.092.462
+ <i>Đội thi công công trình</i>	73.509.602.498	61.682.919.372
+ <i>Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV^(*)</i>	33.266.862.248	-
+ <i>Các đối tượng khác</i>	25.509.976.145	27.856.173.090
b. Dài hạn	26.732.301.247	13.241.421.307
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.017.788.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.714.513.247	13.241.421.307
+ <i>Công ty TNHH BOT đường 188^(**)</i>	14.525.224.334	13.241.421.307
+ <i>Các đối tượng khác</i>	11.189.288.913	-
Cộng	162.971.869.154	104.952.046.494

(*): Theo bản án số 466/2022/HS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội liên quan đến trách nhiệm của các nhà thầu thi công các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng theo quy định của gói thầu số 4 Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi giai đoạn từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2017, tại mục trách nhiệm bồi thường, Tổng Công ty với tư cách là nhà thầu phải bồi thường cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam – Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Căn cứ bản án nêu trên, Tổng Công ty đã ghi nhận nợ phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam – Công ty TNHH MTV số tiền 33.266.862.248 đồng. Đồng thời, căn cứ theo các hợp đồng ký kết giữa Tổng Công ty với các nhà thầu phụ để thực hiện gói thầu số 4, Tổng Công ty đang tạm thời xác định các nhà thầu phụ có trách nhiệm bồi thường cho Tổng Công ty do thi công không đảm bảo chất lượng công trình theo quy định. Hiện nay, Tổng Công ty đang trong quá trình thu thập thông tin từ phía cơ quan chức năng để có cơ sở xác định trách nhiệm của từng nhà thầu phụ. Do vậy, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị tổn thất và thiệt hại đối với nghĩa vụ bồi thường nêu trên và tạm thời ghi nhận trên khoản mục phải thu khác với các nhà thầu phụ thi công số tiền 33.266.862.248 đồng (chi tiết tại thuyết minh số V.06).

(**): Tiền thu hoàn vốn đầu tư của các dự án BOT đường 188 chờ quyết toán với các đối tác trong dự án BOT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	(19.309.768)	21.564.090.720	37.477.745.691	9.381.708.759	539.566.911.947
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	9.482.407.247	(368.309.982)	9.114.097.265
Tăng khác	-	-	-	25.145.446	-	-	66.521.314.269	66.546.459.715
Phân phối lợi nhuận năm trước tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	(12.830.855.787)	-	(12.830.855.787)
Phân phối lợi nhuận năm trước tại Công ty con	-	-	-	-	-	(4.720.446)	(107.541.779)	(112.262.225)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(4.915.958.540)	-	(4.915.958.540)
Số dư cuối năm trước	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	5.835.678	21.564.090.720	29.208.618.165	75.427.171.267	597.368.392.375
Số dư đầu năm nay								
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	4.920.349.336	3.786.493.618	8.706.842.954
Phân phối lợi nhuận trong kỳ tại Công ty mẹ	-	-	-	-	3.390.725.855	(3.390.725.855)	-	-
Phân phối lợi nhuận trong kỳ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(3.273.691)	(176.762.754)	(180.036.445)
Giảm khác (**)	-	-	-	(74.881.595)	-	-	-	(74.881.595)
Số dư cuối kỳ này	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	(69.045.917)	24.954.816.575	30.734.967.955	79.036.902.131	605.820.317.289

(*): Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến đầu năm nay (01/01/2022) thay đổi do điều chỉnh hồi tố số liệu lũy kế đến 31/12/2021 (chi tiết tại thuyết minh số VIII.03).

(**): Giảm chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại Campuchia từ đồng ngoại tệ sang Việt Nam đồng số tiền 74.881.595 đồng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	209.959.080.000	50,10		-
+ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	105.000.000.000	25,05	105.000.000.000	25,05
+ Công ty Cổ phần Tasco	-	-	161.816.750.000	38,61
+ Các đối tượng khác	104.120.920.000	24,85	152.263.250.000	36,34
Cộng	419.080.000.000	100	419.080.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	419.080.000.000	419.080.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	419.080.000.000	419.080.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	12.556.110.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	12.556.110.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.908.000	41.908.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	54.300	54.300
+ Cổ phiếu phổ thông	54.300	54.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu phổ thông	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Tổng Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	24.954.816.575	21.564.090.720
Cộng	24.954.816.575	21.564.090.720

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	227.097,38	57.680,49
- JPY	24.109,00	24.109,00

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.311.441.950.972	1.158.197.989.848
- Doanh thu các hoạt động khác	184.887.076.002	106.348.657.399
Cộng	1.496.329.026.974	1.264.546.647.247

Ngoài doanh thu với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.02, Tổng Công ty không còn doanh thu với các bên liên quan khác.

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	-	2.048.096.432
Cộng	-	2.048.096.432

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.296.205.169.455	1.129.176.224.685
- Giá vốn các hoạt động khác	126.038.290.607	64.453.480.329
Cộng	1.422.243.460.062	1.193.629.705.014

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.938.929.504	8.181.262.684
- Lãi từ bán các khoản đầu tư ^(*)	38.769.027.251	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.507.671.393
Cộng	44.707.956.755	11.688.934.077

(*): Lợi nhuận từ việc chuyển nhượng 100% phần vốn góp tại Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long (chi tiết tại thuyết minh số V.02).

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	44.331.683.222	31.661.209.442
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	755.659	-
Cộng	44.332.438.881	31.661.209.442

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	367.196.713	4.489.456.081
- Thanh lý công cụ dụng cụ	1.364.310.339	946.094.545
- Khoản nhận hỗ trợ di dời tài sản	-	9.000.000.000
- Tiền phạt thu được	-	19.000.000
- Các khoản khác	2.217.184.095	4.802.798.597
Cộng	3.948.691.147	19.257.349.223

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	50.136.986
- Chi phí thanh lý vật tư	-	641.096.837
- Tiền phạt vi phạm hành chính	19.806.109	33.948.558
- Các khoản khác	2.891.849.976	4.198.354.194
Cộng	2.911.656.085	4.923.536.575

08. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>67.752.614.188</i>	<i>58.926.310.935</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	34.550.321.491	28.745.940.034
- Chi phí vật liệu quản lý	344.145.311	224.964.546
- Chi phí đồ dùng văn phòng	690.149.519	518.757.645
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.518.965.937	2.128.838.890
- Thuế, phí và lệ phí	745.273.619	983.310.381
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.002.925.174	17.971.054.258
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.224.456.254	5.015.347.432
- Chi phí trích lập dự phòng	2.676.376.883	3.338.097.749
<i>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>(3.717.305.557)</i>
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(3.717.305.557)
Cộng	67.752.614.188	55.209.005.378

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.252.604.360	2.483.819.436
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	95.080.699	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.347.685.059	2.483.819.436

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.529.764)	(5.059.527)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	118.096.733
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.529.764)	113.037.206

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	4.920.349.336	9.482.407.247
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.920.349.336	9.482.407.247
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	41.853.700	41.853.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	118	227

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	4.920.349.336	9.482.407.247
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.920.349.336	9.482.407.247
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	41.853.700	41.853.700
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>118</u>	<u>227</u>

13. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	691.737.293.860	468.594.165.784
- Chi phí nhân công	101.643.800.611	82.235.707.672
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.462.456.868	40.782.926.888
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.967.429.156	253.857.480.317
- Chi phí khác bằng tiền	30.636.620.528	56.328.717.403
- Chi phí thuê phụ	392.277.482.937	497.146.528.067
- Chi phí dự phòng	2.676.376.883	(379.207.808)
Cộng	<u>1.523.401.460.843</u>	<u>1.398.566.318.323</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Lãi tiền vay nhập gốc trong năm số tiền 1.250.271.222 đồng.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc số tiền 321.655.998 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Chức vụ	Đơn vị tính: VND Tổng thu nhập năm 2022
Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	720.000.000
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	720.000.000
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc	527.270.823
Ông Nguyễn Hải Vinh	Phó Tổng Giám đốc	584.779.272
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	645.720.000
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc	495.000.000
Ông Nguyễn Anh Văn	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000
Bà Nguyễn Thị Dịu/ông Phạm Tuấn Vũ	Kế toán trưởng	480.000.000
Cộng		4.352.770.095

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	Công ty mẹ từ ngày 05/7/2022
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông	Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty TNHH Kết cấu Thép Mitsui - Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết đến ngày 14/7/2022
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Công ty có cùng Công ty mẹ

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục V.02, VI.01, không còn nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.05 và V.14, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH BOT đường 188		
- Phải thu khác ngắn hạn	720.943.751	720.943.751
Cộng nợ phải thu	720.943.751	720.943.751
Công ty TNHH BOT đường 188		
- Phải trả dài hạn khác (thu hoàn vốn dự án BOT)	14.525.224.334	13.241.421.307
Cộng nợ phải trả	14.525.224.334	13.241.421.307

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**03. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót****Điều chỉnh hồi tố**

Điều chỉnh hồi tố số liệu tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2021 do xác định lại giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	76.125.101.812	(10.369.486.553)	65.755.615.259
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	39.578.104.718	(10.369.486.553)	29.208.618.165
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	26.588.026.078	(6.861.815.160)	19.726.210.918
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm nay	421b	12.990.078.640	(3.507.671.393)	9.482.407.247
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	7.197.247.594	(3.507.671.393)	3.689.576.201
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	15.218.625.300	(3.507.671.393)	11.710.953.907
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	310	(83)	227
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	310	(83)	227
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	15.218.625.300	(3.507.671.393)	11.710.953.907
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.128.253.172)	3.507.671.393	(12.620.581.779)

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Lĩnh vực 1: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...

- Lĩnh vực 2: Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, thuê văn phòng, kinh doanh vật liệu xây dựng, thu phí đường bộ, ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực 1	Lĩnh vực 2	Cộng
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.311.441.950.972	184.887.076.002	1.496.329.026.974
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	1.328.928.371.503	157.385.692.284	1.486.314.063.787
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(17.486.420.531)	27.501.383.718	10.014.963.187
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	21.452.103.951	5.500.623.492	26.952.727.443
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	17.752.066.463	45.821.801.184	63.573.867.647
Số dư cuối năm nay			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.540.471.348.901	479.436.326.155	2.019.907.675.056
- Tài sản không phân bổ			256.694.519.641
Tổng tài sản	1.540.471.348.901	479.436.326.155	2.276.602.194.697
- Nợ phải trả bộ phận	1.375.012.079.634	279.481.088.961	1.654.493.168.595
- Nợ phải trả không phân bổ			16.288.708.813
Tổng nợ phải trả	1.375.012.079.634	279.481.088.961	1.670.781.877.408

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Lĩnh vực 1	Lĩnh vực 2	Cộng
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.156.149.893.416	106.348.657.399	1.262.498.550.815
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	1.166.551.566.410	98.569.843.146	1.265.121.409.556
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(10.401.672.994)	7.778.814.253	(2.622.858.741)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.137.020.555	83.880.697	6.220.901.252
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	45.687.065.805	5.327.097.865	51.014.163.670
Số dư cuối năm trước			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.579.889.059.616	408.274.145.974	1.988.163.205.590
- Tài sản không phân bổ			199.498.867.160
Tổng tài sản	1.579.889.059.616	408.274.145.974	2.187.662.072.750
- Nợ phải trả bộ phận	1.362.819.808.323	225.139.524.017	1.587.959.332.340
- Nợ phải trả không phân bổ			2.334.348.035
Tổng nợ phải trả	1.362.819.808.323	225.139.524.017	1.590.293.680.375

Khu vực địa lý:

Tổng Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh ở trong lãnh thổ Việt Nam và ở ngoài lãnh thổ Việt Nam:

	Trong lãnh thổ Việt Nam		Ngoài lãnh thổ Việt Nam (Campuchia)		Cộng
	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Campuchia	
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.359.090.333.568	137.238.693.406	1.496.329.026.974		1.496.329.026.974
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	1.942.295.144.864	77.612.530.192	2.019.907.675.056		2.019.907.675.056
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	23.823.644.836	3.129.082.607	26.952.727.443		26.952.727.443

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.595.088.716	-	74.963.667.738	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	545.877.545.310	(163.492.453.557)	468.028.829.211	(160.816.076.674)
Phải thu về cho vay	12.344.800.000	-	11.915.800.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng)	40.844.053.361	-	33.070.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn (Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng)	20.000.000.000	-	21.888.515.824	-
Cộng	781.661.487.387	(163.492.453.557)	609.866.812.773	(160.816.076.674)
			618.169.033.830	449.050.736.099

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	438.620.054.515	347.582.370.751	438.620.054.515	347.582.370.751
Vay và nợ	673.132.169.329	485.118.296.453	673.132.169.329	485.118.296.453
Chi phí phải trả	58.999.470.329	92.920.758.305	58.999.470.329	92.920.758.305
Các khoản phải trả khác	144.088.891.484	90.177.240.042	144.088.891.484	90.177.240.042
Cộng	1.314.840.585.657	1.015.798.665.551	1.314.840.585.657	1.015.798.665.551

Ghi chú: Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	428.944.050.176	9.676.004.339	-	438.620.054.515
Vay và nợ	605.534.567.350	67.597.601.979	-	673.132.169.329
Chi phí phải trả	58.999.470.329	-	-	58.999.470.329
Các khoản phải trả khác	132.899.602.571	11.189.288.913	-	144.088.891.484
Cộng	1.226.377.690.426	88.462.895.231	-	1.314.840.585.657
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	347.582.370.751	-	-	347.582.370.751
Vay và nợ	263.392.268.663	221.726.027.790	-	485.118.296.453
Chi phí phải trả	92.920.758.305	-	-	92.920.758.305
Các khoản phải trả khác	90.177.240.042	-	-	90.177.240.042
Cộng	794.072.637.761	221.726.027.790	-	1.015.798.665.551

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, theo đó, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố chi tiết tại thuyết minh số VIII.03.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Dịu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà